

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM
(nay là CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM))

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Tại thời điểm 30/06/2021

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

(nay là CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM))

Địa chỉ: P9-10, Tầng 1, Charm Vít Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy,
Thành Phố Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 15

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán đầu tư Việt Nam nay là Công ty CP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ đã được soát xét tại thời điểm 30/06/2021.

Khái quát chung về Công ty

Công ty CP Chứng khoán đầu tư Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007. Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 45/GPĐC-UBCK ngày 20/12/2016, số 06/GPĐC-UBCK ngày 17/01/2018, số 30/GPĐC-UBCK ngày 17/05/2019, số 64/GPĐC-UBCK ngày 22/10/2019 và số 55/GPĐC-UBCK ngày 16/07/2021 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 64/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/10/2019 thì vốn điều lệ của Công ty là **693.500.000.000 đồng** (Sáu trăm chín mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 55/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/07/2021 Công ty đã được đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam), tên tiếng Anh là Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp. và tên viết tắt là GTJA (Vietnam).

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Chức vụ

Ông Li Guang Jie

Chủ tịch

Ông Lee Ming Chuan Eric

Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 28/06/2021)

Ông Yim Fung

Thành viên

Bà Nguyễn Thanh Tú

Thành viên

Bà Yang Yan Hua

Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 28/06/2021)

Ông Huang Bo

Thành viên (bỏ nhiệm từ ngày 28/06/2021)

Ông Wei Xi

Thành viên (bỏ nhiệm từ ngày 28/06/2021)

Ban Tổng giám đốc

Ông Hoàng Anh

Tổng giám đốc

Ông Bùi Quang Kỳ

Phó Tổng giám đốc

Bà Lê Thị Lan Hương

Giám đốc tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Ông Võ Thế Vinh Trưởng ban

Bà Đào Thị Tường Vi Thanh viên

Bà Shen Jing Thành viên

Trụ sở chính

Địa chỉ: P9-10, Tầng 1, Charm Vit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại thời điểm 30/06/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2021 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2021.

Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ.IVS ngày 28/06/2021, Đại hội đã thông qua nội dung thay đổi tên Công ty thành Công ty CP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam). Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã hoàn tất các thủ tục hành chính liên quan đến việc thay đổi nêu trên và được Ủy ban Chứng khoán cấp Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 16/07/2021. Theo đó, Báo cáo này sẽ được đóng theo dấu tên mới của Công ty.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM
(nay là **CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)**)



Hoàng Anh
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2021

Số: 570 BCTC/TC/NV8

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại thời điểm 30/06/2021

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Chứng khoán đầu tư Việt Nam
(nay là Công ty CP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam))

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại thời điểm 30/06/2021 của Công ty CP Chứng khoán đầu tư Việt Nam (nay là Công ty CP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 07 năm 2021, từ trang 06 đến trang 15 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại thời điểm 30/06/2021 phù hợp quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại thời điểm 30/06/2021 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2021 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0373-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
ĐẦU TƯ VIỆT NAM
(nay là CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM))

Số: 141

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm: 30/06/2021

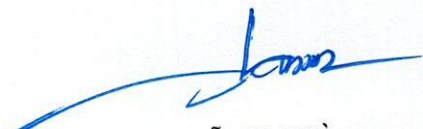
Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 /11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

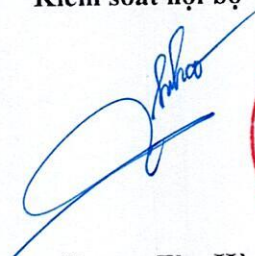
(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hồng

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ


Dương Thu Hà

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm: 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	693.500.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	28.280.000.000	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-	-	-
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-	-	-
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.169.366.013	-	-
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	648.823.913	-	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(27.849.027.779)	-	-
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	71.379.206.829	-	-
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-	-	-
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	3.785.867	2.315.801
16	Vốn khác (nếu có)	-	-	-
1A	Tổng			767.126.898.910
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính	-	-	-
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
4	Các khoản cho vay	-	-	-
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm: 30/06/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-	-	-
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết	-	-	-
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm	-	-	-
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	93.095.965	-
11	Phải thu nội bộ	-	-	-
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
13	Các khoản phải thu khác	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	38.785.072.399	-
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-	-	-
II	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
1	Tạm ứng	-	-	-
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm: 30/06/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	-	-	-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	2.024.260.086	-
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.800.000	-
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	-	-
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	182.864.747	-
7	Tài sản ngắn hạn khác	-	730.047.360	-
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
1B	Tổng			41.817.140.557
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn	-	-	-
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Các khoản đầu tư	-	-	-
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
2.2	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2.3	Đầu tư dài hạn khác	-	17.000.000.000	-
		-	12.103.085.326	-
II	Tài sản cố định	-	-	-
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	-	8.190.863.738	-
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	750.406.100	-
2	Chi phí trả trước dài hạn	-	234.702.952	-
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	7.205.754.686	-
5	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-	-	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5	-	-	-
1C	Tổng			37.293.949.064

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm: 30/06/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
D	Các khoản ký quỹ, đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ	-		-
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	-	-	-
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ	-	-	-
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm	-	-	-
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày	-	-	-
1D	Tổng			
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D			688.015.809.289

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm: 30/06/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO
A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				-
1	Tiền mặt (VND)	0	-	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ				-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định		-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương.	3	-	-
III. Trái phiếu tổ chức tín dụng				-
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
IV. Trái phiếu doanh nghiệp				-
7	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết		-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm: 30/06/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
8	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết		-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-
IV. Cổ phiếu				667.874
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	6.383.940	638.394
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm: 30/06/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	147.400	29.480
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				40.500
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30	-	-
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20	-	-
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25	-	-
19	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40	-	-
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	81.000	40.500
VII. Chứng khoán phái sinh				-
21	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
22	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-
VIII. Chứng khoán khác				17.060.320.000
23	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
24	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
25	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
26	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm: 30/06/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
27	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	100	-	-
28	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	21.325.400.000	17.060.320.000
29	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-
30	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
31	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				17.061.028.374

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm: 30/06/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

B. RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)

Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)

Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 3)

Tổng giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro
9.600.000.000
91.200.177
960.000.000
10.651.200.177

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1 Tiền gửi kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	-	9.600.000.000	-	9.600.000.000
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								9.600.000.000

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100	91.200.177	91.200.177
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				91.200.177

3. Rủi ro tăng thêm

TT	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	10%	9.600.000.000	960.000.000
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				960.000.000

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	55.206.897.550
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 1)	16.198.231.490
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	39.008.666.060
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	9.752.166.515
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	17.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max{IV,V})		17.000.000.000

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm: 30/06/2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

Đơn vị tính: VND

	Giá trị
Chi phí khấu hao	1.986.978.879
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	13.896.116.130
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(223.880)
Chi phí lãi vay	315.360.361
	16.198.231.490

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	17.061.028.374	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	10.651.200.177	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	17.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	44.712.228.551	
5	Vốn khả dụng	688.015.809.289	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	1539%	

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

(nay là CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM))

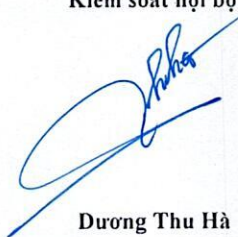
Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng



Dương Thu Hà



Hoàng Anh